

THÔNG BÁO

Về việc nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển bổ sung đợt 1 theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-ĐHH ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy Đại học Huế năm 2021 (HĐTS);

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-HĐTSDH ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc công bố điểm trúng tuyển đợt 1 tuyển sinh vào đại học hệ chính quy năm 2021 của Đại học Huế theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021,

HĐTS thông báo về việc nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT) bổ sung đợt 1 theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021 cụ thể như sau:

I. Điều kiện xét tuyển

- Điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm thi của các môn đó trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021. Điều kiện xét tuyển là tổng điểm 3 môn (chưa nhân hệ số, đã cộng điểm ưu tiên) tối thiểu bằng mức điểm nhận hồ sơ ĐKXT.

- Điều kiện xét tuyển vào các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên của Trường Đại học Sư phạm là xếp loại hạnh kiểm của năm học lớp 12 phải đạt từ loại khá trở lên (căn cứ theo học bạ THPT).

- Điều kiện xét tuyển đối với ngành Quốc tế học của Trường Đại học Ngoại ngữ là điểm môn Tiếng Anh phải $\geq 5,0$.

- Điều kiện xét tuyển vào ngành Sư phạm Sinh học đào tạo bằng tiếng Anh: Người học phải có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đạt mức tối thiểu: Học kì 1 lớp 12 môn Tiếng Anh đạt **6,5 điểm** trở lên; hoặc **bậc 2** khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam; hoặc **các chứng chỉ tương đương** (A2, IELTS: 3.5, TOEIC: 400, TOEFL ITP: 400, TOEFL CBT: 96, TOEFL IBT: 40, Cambridge Test: 45-64 PET hoặc 70-89 KET).

II. Đăng ký xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển

Thí sinh chọn một trong hai hình thức đăng ký sau:

1. ĐKXT qua đường bưu điện

Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT bằng cách gửi chuyển phát nhanh (EMS) qua đường bưu điện về Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế, số 01 đường Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- Phiếu ĐKXT theo mẫu quy định của Đại học Huế (thí sinh tải tại địa chỉ: <http://tuyensinh.hueuni.edu.vn>, file đính kèm thông báo này);
- Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021;
- Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi năng khiếu (đối với thí sinh ĐKXT vào các ngành năng khiếu);
- Lệ phí xét tuyển: **Thí sinh được miễn lệ phí xét tuyển.**

2. ĐKXT trực tuyến

Thí sinh ĐKXT xét tuyển trực tuyến tại địa chỉ: <http://dkxt.hueuni.edu.vn>.
Thí sinh trúng tuyển sẽ nộp bản chính các hồ sơ liên quan (ở mục 1) khi làm thủ tục nhập học tại trường)

3. Thời gian nộp hồ sơ ĐKXT

Từ ngày 23/9/2021 đến 17g00 ngày 05/10/2021

4. Công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến trước 17h00 ngày 07 tháng 10 năm 2021.

III. Danh mục trường, ngành và chỉ tiêu tuyển sinh: (Phụ lục đính kèm)

Mọi thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ theo địa chỉ: Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế, số 01 đường Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Điện thoại: 0234.3828493, 0234.3898983. Cổng thông tin tuyển sinh Đại học Huế: <http://tuyensinh.hueuni.edu.vn>. Fanpage: <http://facebook/tuyensinhdaihochue/>.

Nơi nhận:

- Thông báo trên các phương tiện thông tin;
- Chủ tịch Hội đồng ĐHH;
- Thành viên HĐTS;
- Các trường đại học thành viên;
- Các trường, khoa và phân hiệu thuộc Đại học Huế;
- Cổng thông tin điện tử ĐHH;
- Lưu: VT, HĐTS, ĐTCTSV. TTQ.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Linh**

Số TT	Tên trường, Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu	Mức điểm nhận hồ sơ ĐKXT
				2. Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật (Môn Vẽ mỹ thuật hệ số 1,5)	V01		
				3. Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật (*) (Môn Vẽ mỹ thuật hệ số 1,5)	V02		
21	Công tác xã hội		7760101	1. Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	C19	30	15,00
				2. Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01		
				3. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D14		
22	Quản lý tài nguyên và môi trường		7850101	1. Toán, Hóa học, Sinh học	B00	10	15,25
				2. Toán, Ngữ văn, Địa lí	C04		
				3. Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01		
				4. Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	D15		
	6. TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC	DHY				30	
1	Y tế công cộng		7720701	Toán, Sinh học, Hóa học	B00	30	16,00
	7. TRƯỜNG DU LỊCH	DHD				220	
1	Quản trị kinh doanh		7340101	1. Toán, Vật lí, Hóa học	A00	15	17,00
				2. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00		
				3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01		
				4. Toán, Địa lí, Tiếng Anh	D10		
2	Du lịch		7810101	1. Toán, Vật lí, Hóa học	A00	40	17,00
				2. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00		
				3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01		